

Bản án số: 107/2021/HS - PT
Ngày: 16 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Vân
2. Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2021/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Vương Phương A, Nguyễn Thị Lai B do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 342/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Vương Phương A (tên gọi khác: Không); sinh ngày 1/5/1986, tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1, đường 9, tổ 5, khu phố 10, phường LT, quận TĐ, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán – Hội Liên hiệp Phụ nữ quận TĐ; là Đảng viên ĐCSVN (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Nguyễn Ngọc Á (chết) và bà Vương Thị B; có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2019 đến ngày 02/7/2019 được tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị Lai B (tên gọi khác: Không); sinh ngày 7/2/1952, tại tỉnh QB; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 61 VVN, tổ 11, khu phố 9, phường BìT, quận TĐ, Thành phố H; chỗ ở: 10 đường CL, tổ 7, khu phố 9, phường BT, quận TĐ, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công Giáo; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Bán tạp hóa; con ông Nguyễn

Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị D (chết); có chồng và 01 con sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Vương Phương A là cán bộ, công chức công tác tại Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ thuộc Đảng ủy cơ quan Đảng, đoàn thể quận TĐ, được phân công phụ trách thực hiện nhiệm vụ: Vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế bền vững; quản lý nguồn vốn tín dụng tiết kiệm, đồng thời kiêm nhiệm công tác kế toán tại Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ từ năm 2012. Quá trình công tác, nguyên nầy sinh ý định mua bán hóa đơn giá trị gia tăng, lập hồ sơ khống để chiếm đoạt tài sản của Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ. Trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2018 lợi dụng nhiệm vụ được phân công, Nguyên liên hệ với Nguyễn Thị Lai B là chủ cửa hàng bách hóa 2A8 và Huỳnh Thị N là chủ cửa hàng sách Võ Văn X để mua hóa đơn giá trị gia tăng lập khống hồ sơ nhằm chiếm đoạt tài sản. A thỏa thuận với Nguyễn Thị Lai B và bà Huỳnh Thị N ghi tên hàng hóa, dịch vụ và tổng số tiền mua hàng vào hóa đơn giá trị gia tăng theo yêu cầu của A. A chi cho B 6,5% và Nga 5% tổng số tiền trên hóa đơn giá trị gia tăng. Sau khi mua hóa đơn giá trị gia tăng, A mang về cơ quan làm giả hồ sơ thanh toán bằng cách: A ký giả chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh L (nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ) trên giấy rút dự toán ngân sách và bảng kê chứng từ thanh toán tiền tạm ứng sau đó chuyển hồ sơ sang Kho bạc quận TĐ để kho bạc thực hiện việc kiểm soát chi ngân sách nhà nước. Sau khi kiểm tra hồ sơ, chứng từ giấy và kiểm soát số dư trên tài khoản thì kho bạc chuyển chứng từ qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh TĐ (nơi Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ mở tài khoản tiền gửi quản lý ngân sách). Căn cứ chứng từ chuyển tiền, ngân hàng trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của kho bạc mở tại ngân hàng chuyển đến tài khoản của đơn vị thụ hưởng (tài khoản số 10101000118xxxx của Nguyễn Thị Lai B và tài khoản số 10201000018xxxx của Huỳnh Thị N đều mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn. Sau khi nhận được thông báo ngân hàng chuyển tiền qua tin nhắn điện thoại thì B và N báo cho A biết cùng A đến Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh ĐSG để rút tiền theo hồ sơ thanh toán. Sau khi rút tiền xong, A chi cho B, N tỷ lệ % trên hóa đơn giá trị gia tăng, số tiền còn lại A chiếm đoạt. Với thủ đoạn như trên, trong quý II và quý III năm 2018, A đã lập chứng từ chứng từ khống, giả chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh L làm giả 14 hồ sơ thanh toán để chiếm đoạt tiền từ ngân sách của Hội liên hiệp Phụ nữ quận TĐ gồm:

1. Tiền văn phòng phẩm ngày 02/5/2018: 6.888.000 đồng;
2. Tiền mua bánh ngọt, thăm chúc tết đồng bào ít người ngày 02/5/2018: 17.358.000 đồng;

3. Tiền bánh ngọt, trái cây phục vụ hội thi ý tưởng sáng tạo, phụ nữ với an toàn giao thông và chuyên đề đột quỵ não ngày 15/5/2018: 11.430.000 đồng;

4. Tiền nước uống họp giao ban quý II, họp ban chấp hành đột xuất; tiền quà cho những người thôi tham gia ban chấp hành ngày 15/5/2018: 13.100.000 đồng;

5. Tiền văn phòng phẩm ngày 25/5/2018: 6.164.000 đồng;

6. Tiền khung khen, túi xách đựng quà, nước uống, quà hái hoa dân chủ phục vụ hội thi; tiền mua bánh ngọt, trái cây phục vụ hội thi gương sáng giữa đời thường; tuyên truyền viên giỏi và tìm hiểu pháp luật ngày 22/5/2018: 30.450.000 đồng;

7. Tiền mua bánh ngọt, trái cây phục vụ tập huấn, tiền hôn nhân, kiến thức bảo vệ môi trường, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, tiền photo tài liệu, bảng mica, hái hoa dân chủ, nước uống tập huấn, tặng quà cơ sở tôn giáo ngày 25/5/2018: 26.670.000 đồng;

8. Tiền khung khen, túi xách đựng quà, nước uống, quà hái hoa dân chủ phục vụ hội thi và quà tặng cho mạnh thường quân phục vụ hội thi; tiền mua bánh ngọt, trái cây phục vụ cho hội thi tổ trưởng phụ nữ giỏi, tìm hiểu an toàn giao thông và nữ thanh niên làm theo lời bác ngày 25/6/2018: 30.450.000 đồng;

9. Tiền nước uống họp giao ban quý III và họp ban chấp hành đột xuất; tiền mua quà ngày gia đình Việt Nam; tiền mua bánh ngọt, trái cây nước uống các loại phục vụ ngày Gia đình Việt Nam ngày 19/6/2018: 15.600.000 đồng;

10. Tiền mua bánh ngọt, trái cây, nước uống phục vụ tập huấn phòng chống mua bán người, chuyên đề phân loại rác tại nguồn và hành trang giúp trẻ vào đời; tiền photo tài liệu, mua bản mica, nước uống tập huấn phòng chống mua bán người, chuyên đề phân loại rác tại nguồn và hành trang giúp trẻ vào đời ngày 07/6/2018: 31.470.000 đồng;

11. Tiền bánh ngọt phục vụ họp giao ban quý III; tiền quà thôi tham gia ban chấp hành hội ngày 31/7/2018: 14.325.000 đồng;

12. Tiền khung khen, túi xách đựng quà, nước uống, quà hái hoa dân chủ phục vụ hội thi phụ nữ với an toàn giao thông và nữ thanh niên làm theo lời Bác, tuyên truyền viên giỏi thực hiện cuộc vận động 5 không, 3 sạch ngày 16/7/2018: 23.810.000 đồng;

13. Tiền khung khen, túi xách đựng quà, nước uống, quà hái hoa dân chủ phục vụ hội thi và quà tặng cho cơ sở tôn giáo mùa an cư kiết hạ; thanh toán tiền mua bánh ngọt, trái cây phục vụ cho hội thi bữa cơm gia đình, nữ tu khéo tay và tự hào sử Việt ngày 11/7/2018: 31.810.000 đồng;

14. Tiền mua bánh ngọt, trái cây phục vụ hội thi, chuyên đề; thanh toán tiền photo tài liệu, bảng mica; tiền nước uống, tiền quà tặng tuyên dương gia đình hạnh phúc tiêu biểu; tiền quà, túi xách đựng quà cho mạnh thường quân; thanh toán tiền nhà rạp, bàn tròn phục vụ hội thi ngày Gia đình Việt Nam ngày 02/7/2018: 46.738.000 đồng.

Qua kiểm tra, đối chiếu chứng từ quyết toán năm 2018, Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ không tổ chức các hoạt động nêu trên.

Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền từ ngân sách Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ, A mua của Nguyễn Thị Lai B 21 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng tiền trên hóa đơn là 293.211.000 đồng (chi % cho Nghị 19.058.715 đồng); mua của Huỳnh Thị N 02 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền trên hóa đơn là 13.052.000 đồng (chi % hóa đơn cho N 652.600 đồng);

Khoảng giữa tháng 12/2018 trong lúc kiểm tra đối chiếu giữa bản kê chi tiết chứng từ thực chi, bà Nguyễn Thị Thanh L phát hiện thiếu một số chứng từ mà những nội dung chứng từ chỉ Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ không tổ chức hoạt động nên bà L mời A làm việc và A thừa nhận toàn bộ việc chiếm đoạt tiền từ ngân sách của Hội Liên hiệp phụ nữ quận TĐ, tổng số 306.263.000 đồng. A giao nộp 13 hồ sơ thanh toán giả cho bà L; còn 01 hồ sơ bị thất lạc (trong đó có 02 hóa đơn giá trị gia tăng A mua của Nguyễn Thị Lai B) rồi A xin nghỉ việc và rời khỏi nơi cư trú.

Tại bản kết luận giám định số 985/KLGD - TT ngày 30/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố H, kết luận: Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh L trên 13 bộ hồ sơ thu giữ so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thanh L trên các tài liệu mẫu so sánh, không phải do cùng một người ký ra.

Nguyễn Thị Lai B bắt đầu kinh doanh buôn bán tạp hóa tại cửa hàng “Bách hóa 2A8” từ năm 2000 đến nay, B khai báo thuế và đăng ký mua hóa đơn giá trị gia tăng tại Chi cục Thuế quận TĐ, mỗi tháng đều được mua hóa đơn giá trị gia tăng, mỗi cuốn có 50 số, ngoài xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho người mua hàng, B còn bán hóa đơn giá trị gia tăng để kiếm thêm thu nhập. Từ tháng 4/2018 đến tháng 7/2018 B bán cho A 21 hóa đơn giá trị gia tăng, tổng số tiền trên hóa đơn là 293.211.000 đồng, B lấy $6,5\% = 19.058.715$ đồng, số tiền này đã chi tiêu hết. Huỳnh Thị N bán cho A 02 hóa đơn giá trị gia tăng, tổng số tiền trên hóa đơn: 13.052.000 đồng, N lấy $5\% = 652.600$ đồng, N đã chi tiêu hết.

Tại bản án sơ thẩm số 342/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận TĐ, Thành phố H đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vương Phương A phạm tội “Tham ô tài sản”; bị cáo Nguyễn Thị Lai B phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vương Phương A 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/6/2019 đến ngày 02/7/2019;

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lai B 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 02/12/2020 bị cáo Nguyễn Vương Phương A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 30/11/2020 bị cáo Nguyễn Thị Lai B kháng cáo xin hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Vương Phương A, Nguyễn Thị Lai B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Đối với bị cáo A ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã nêu, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đầu thú, hiện nuôi con nhỏ, gia đình có công với cách mạng. Đồng thời số tiền tham ô đã được bị cáo khắc phục trước khi khởi tố vụ án là tình tiết khoan hồng đặc biệt quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/NQ – HĐTP ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân tối cao nên có cơ sở áp dụng Điều 54 đối với bị cáo, xét xử bị cáo từ 03 năm tù đến 04 năm tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Lai B: ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã nêu, hiện nay bị cáo tuổi cao, đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận TĐ, Thành phố H; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận TĐ, Thành phố H; Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân quận TĐ, Thành phố H; Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Thời gian làm Kế toán Hội liên

hiệp Phụ nữ quận TĐ, bị cáo Nguyễn Vương Phương A đã lợi dụng chức năng nhiệm vụ được giao có hành vi mua bán hóa đơn, lập 14 hồ sơ khống thanh toán để chiếm đoạt số tiền 306.263.000 đồng, hành vi đó đã phạm tội “Tham ô tài sản” được quy định tại Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Lai B đã bán cho Nguyễn Vương Phương A 21 hóa đơn giá trị gia tăng ghi khống nội dung với số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn là 293.211.000 đồng, hưởng lợi 19.058.715 đồng. Hành vi đó đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” được quy định tại Điều 203 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vương Phương A: Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang nuôi con nhỏ sinh năm 2019, là lao động chính, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt trước khi khởi tố vụ án, cha bị cáo mới chết năm 2019, mẹ già yếu, bệnh tật, không còn khả năng lao động. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù là quá nặng. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo thực hiện hành vi tham ô 306.263.000 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ đã nêu, đồng thời bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo A, do đó xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có cơ sở nên chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lai B: Bị cáo xin hưởng án treo do phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hiện nay sống độc thân và đang điều trị bệnh đau dây thần kinh tam hoa, tuổi cao, đi lại khó khăn, cấp sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù là quá nặng. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo tham gia mua bán 21 hóa đơn với bị cáo A và hưởng lợi % là 19.058.715 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ đã nêu, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo B, các tình tiết giảm nhẹ bị cáo nêu trong đơn kháng cáo đều đã được cấp sơ thẩm xem xét. Hành vi của bị cáo cần xử lý nghiêm minh, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là có cơ sở đúng pháp luật nên không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo B.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B nên bị cáo A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c Điều 357 của

Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vương Phương A 04 (bốn) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/6/2019 đến ngày 02/7/2019;

Căn cứ khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lai B 09 (chín) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị Lai B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh; (3)
- Tòa án nhân dân q. Thủ Đức; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Bị cáo; (2)
- Chi cục THA q. Thủ Đức; (1)
- VKSND q. Thủ Đức ; (2)
- Công an q. Thủ Đức; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (21). (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Châu